

ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ NHÂN CÁCH NGƯỜI NỮ GIÁO VIÊN TRƯỜNG ĐHNH - ĐHQG HÀ NỘI

Đặng Thị Lan

Trường Đại học Ngoại ngữ

Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Con đường mà xã hội loài người đang bước vào thế kỷ mới là con đường xây dựng và phát triển một nền kinh tế mới, một xã hội mới lôi cuốn sự hội nhập của mọi quốc gia. Trước yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội, Đảng ta khẳng định nhiệm vụ của giáo dục Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới là: đào tạo những con người lao động mới - những con người làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, vừa "hồng" vừa "chuyên" để có thể đưa nước ta phát triển nhanh, phát triển mạnh về mọi mặt và trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020.

Để làm được điều đó, các trường đại học cần phải có đội ngũ giáo viên (GV) nói chung và nữ giáo viên nói riêng với những phẩm chất nhân cách cần thiết. Tuy nhiên, khi đánh giá về những phẩm chất nhân cách này thì sinh viên có những quan điểm riêng của họ.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm đánh giá

Đánh giá (ĐG) là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả của công việc dựa vào sự phân tích những thông tin thu được, đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải tiến thực trạng điều chỉnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

Theo các tác giả phương Tây thì ĐG, trong bối cảnh giáo dục, có thể định nghĩa như một quá trình được tiến hành có hệ thống để xác định mức độ đạt được của học sinh về các mục tiêu của đào tạo. Nó bao gồm những sự mô tả về mặt định tính hay định lượng những hành vi đó.

Theo Nguyễn Đình Chính, ĐG là quá trình thu thập thông tin, mà thông tin này được sử dụng nhằm đi tới những phán đoán xác định về mặt giá trị (số lượng và đặc biệt là chất lượng), từ đó làm cơ sở cho việc ra quyết định có liên quan.

Theo Trần Kiều, ĐG là khâu cuối cùng, song cũng có thể xem là bước khởi đầu cho chu trình tiếp theo với chất lượng mới hơn của cả một quá trình. ĐG là một hoạt động nhằm rút ra những phán đoán về giá trị đạt được những quyết định cần thiết trên cơ sở thông tin và số liệu thu được. Do đó, ĐG không chỉ nhằm mục đích phân loại, sàng lọc, cũng không chỉ nhằm phát hiện kết quả của một quá trình mà còn phải tìm ra được các nguyên nhân đa dạng của một thực trạng nào đó. Như vậy, ĐG không đơn thuần là sự ghi nhận thực trạng mà còn là đề xuất những quyết định làm thay đổi thực trạng. Đánh giá được xem là một khâu rất quan trọng đan xen với các khâu lập kế hoạch và triển khai công việc.

2.2. Nhân cách và nhân cách người giáo viên

Vấn đề nhân cách là vấn đề trung tâm của tâm lý học và cũng là vấn đề được nhiều khoa học quan tâm. Các nhà tâm lý học cho rằng khái niệm “nhân cách” là một phạm trù xã hội, có bản chất xã hội - lịch sử, nghĩa là nội dung của nhân cách là nội dung của những điều kiện lịch sử cụ thể của xã hội được chuyển vào trong mỗi con người. Có thể nêu lên một số định nghĩa nhân cách như sau:

- Theo A.G. Côvaliôv, nhân cách là một cá nhân có ý thức, chiếm một vị trí nhất định trong xã hội và đang thực hiện một vai trò xã hội nhất định.

- E.V. Sôrôkhôva lại cho rằng, nhân cách là con người với tư cách là kẻ mang toàn bộ thuộc tính và phẩm chất tâm lý, quy định hình thức hoạt động và hành vi có ý nghĩa xã hội.

- Theo V.X. Mukhira, nhân cách là cá thể hoá ý thức xã hội.

Từ những góc độ tiếp cận trên, có thể hiểu: *Nhân cách người GV là tổ hợp những đặc điểm, những thuộc tính tâm lý cá nhân biểu hiện bản sắc và giá trị xã hội của họ trong hoạt động và giao tiếp sư phạm.*

Hiện nay, việc xem xét cấu trúc nhân cách người GV có nhiều quan niệm khác nhau, nhưng nhìn chung các quan niệm đều cho rằng nhân cách điển hình của người GV bao gồm: phẩm chất sư phạm (đức) và năng lực sư phạm (tài).

Các phẩm chất sư phạm gồm có:

- *Thế giới quan khoa học*: là thế giới quan duy vật biện chứng bao gồm những quan điểm biện chứng về các quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy.

- *Lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ*: Biểu hiện ra ngoài bằng lòng say mê nghề nghiệp, lòng yêu mến học sinh, lương tâm nghề nghiệp, tinh thần tận tụy, hy sinh cho công việc, tác phong làm việc nhanh nhẹn, cần cù, có trách nhiệm, lối sống giản dị...

- *Phẩm chất đạo đức và ý chí*: là tinh thần nghĩa vụ, tinh thần "mình vì mọi người, mọi người vì mình", tinh thần nhân đạo, tôn trọng con người, thái độ công bằng, chính trực, ngay thẳng.

Các năng lực sư phạm gồm có:

- *Nhóm năng lực dạy học*: Gồm năng lực hiểu học sinh trong quá trình dạy học và giáo dục, nắm tri thức, sử dụng tài liệu, nắm vững kỹ thuật dạy học và năng lực ngôn ngữ.

- *Nhóm năng lực giáo dục*: Gồm năng lực đề ra dự án phát triển nhân cách học sinh, năng lực giao tiếp sư phạm, năng lực cảm hoá học sinh và năng lực khéo léo đối xử sư phạm.

- *Nhóm năng lực tổ chức hoạt động sư phạm*: là năng lực tổ chức, cổ vũ học sinh thực hiện các nhiệm vụ khác nhau trong học tập; đoàn kết học sinh thành một tập thể thống nhất; tổ chức, vận động nhân dân, cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội tham gia vào sự nghiệp giáo dục theo một mục tiêu xác định.

Nhân cách người GV bao gồm một hệ thống những phẩm chất sư phạm và năng lực sư phạm. Những phẩm chất và năng lực được hình thành, phát triển trong quá trình hoạt động sư phạm lâu dài và có ảnh hưởng lớn đến uy tín của người GV.

2.3. Vài nét đánh giá của sinh viên về thực trạng nhân cách người nữ giáo viên ở trường ĐHNN - ĐHQGHN

2.3.1. Đánh giá của sinh viên về từng mặt nhân cách của người nữ GV

Bảng 1: Đánh giá của sinh viên về từng mặt nhân cách người nữ GV

Đánh giá	Từng mặt nhân cách											
	A		B		C		D		E		G	
	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Kém	2	1, 25	2	1, 25	0		4	2, 50	4	2, 50	4	2, 50
Yếu	0		2	1, 25	4	2, 50	6	3, 75	10	6, 25	0	
Trung bình	6	3, 75	10	6, 25	24	15	16	10	20	12, 50	26	16, 25
Tốt	42	26, 25	42	26, 25	60	37, 50	62	38, 75	46	28, 75	28	17, 50
Rất tốt	120	68, 75	104	65	72	45	72	45	80	50	102	63, 75

Kết quả ĐG của SV về từng mặt nhân cách người nữ GV được thể hiện ở bảng 1. Nhìn vào bảng 1 ta thấy:

- *Mặt A (lòng yêu nghề):* Tần số chọn điểm của SV tập trung chủ yếu ở mức tốt và rất tốt (26, 25% và 68, 75%). Chỉ có 1, 25% SV ĐG ở mức kém và 3, 75% SV ĐG ở mức trung bình. Nếu so sánh với các mặt nhân cách khác thì lòng yêu nghề có tỷ lệ SV chọn mức tốt và rất tốt cao nhất. Đây thực sự là điều đáng mừng bởi nó chứng tỏ các nữ GV đều là những người nhiệt tình và tâm huyết với nghề nghiệp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, lòng yêu nghề là hành trang quý báu để vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống, hết lòng cống hiến cho sự nghiệp trồng người.

- *Mặt B (lòng yêu trẻ):* Lòng yêu trẻ của các nữ GV trường ĐHNN được SV ĐG tương đối cao. Có 65% SV ĐG ở mức rất tốt và 26, 25% ở mức tốt, ở mức trung bình, yếu và kém tỷ lệ % không đáng kể. Kết quả này cho thấy các cô giáo đã quan tâm, giúp đỡ SV một cách chân thành và giản dị, không có thái độ phân biệt đối xử. Điều đó đã được SV cảm nhận sâu sắc.

- *Mặt C (phẩm chất ý chí)*: Những phẩm chất ý chí là sức mạnh làm cho những phẩm chất sư phạm và năng lực sư phạm của người nữ GV thành hiện thực và tác động sâu sắc đến SV. Mặt này cũng được SV ĐG tương đối tốt, tỷ lệ là 45% rất tốt và 37, 50% tốt, vẫn còn 15% ĐG ở mức trung bình và 2, 50% ĐG ở mức yếu. Như vậy, đa số SV ĐG các nữ GV làm việc có nguyên tắc, có yêu cầu nghiêm khắc với SV, có sự kiên nhẫn và tự kiểm chế, có tính kỷ luật và chấp hành tốt nội quy của nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận không nhỏ cô giáo chưa thực sự nghiêm khắc với SV, chưa quan tâm đến việc rèn luyện cho SV tính kỷ luật và chấp hành nội quy của nhà trường. Về điều này, chúng ta cần rút kinh nghiệm.

- *Mặt D (Năng lực dạy học)*: Có 83, 75% SV ĐG năng lực dạy học của các nữ GV ở mức rất tốt và tốt. Kết quả này cho thấy SV đã thừa nhận các cô giáo của mình là những người nắm vững chuyên môn, luôn đổi mới phương pháp giảng dạy khiến giờ học diễn ra sôi động và hấp dẫn, trong đó SV tích cực phát biểu xây dựng bài. Để có năng lực này quả không dễ dàng, trái lại, nó là kết quả của một quá trình học tập nghiêm túc và rèn luyện tay nghề công phu của các cô giáo. Tuy nhiên, theo ĐG của SV thì vẫn còn một số nữ GV dạy học chưa có sự phân hoá theo trình độ mà dạy học một cách đại trà.

- *Mặt E (Năng lực giáo dục)*: Có 78, 75% SV ĐG mặt nhân cách này của các nữ GV ở mức tốt và rất tốt nhưng so với các mặt khác thì đây lại là mặt có tỷ lệ trung bình, yếu, kém cao nhất (chiếm 21, 25%). Như vậy, theo ĐG của SV thì trong đội ngũ nữ GV vẫn còn các cô giáo chưa có khả năng cảm hoá SV, chưa biết cách động viên SV, chưa có khả năng sư phạm.

- *Mặt G (Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục)*: Đa số SV ĐG mặt này rất tốt (81, 25%), chỉ có 16, 25% ĐG ở mức trung bình, tỷ lệ SV ĐG ở mức yếu, kém là không đáng kể. Thực tế này cho thấy các cô giáo đã rất quan tâm đến việc đoàn kết các SV trong lớp, họ không chỉ chú ý tới việc học tập mà còn biết động viên các em tham gia các hoạt động tập thể để từ đó tăng thêm vốn hiểu biết và dần dần hun đúc tình đoàn kết, tình cảm tập thể lành mạnh,

Nhận xét: Trong các mặt nhân cách của người nữ GV thì SV chủ yếu ĐG tốt và rất tốt, trong đó các mặt phẩm chất sư phạm được các em ĐG cao hơn năng lực sư phạm.

2.3.2. Đánh giá chung của SV về nhân cách người nữ GV trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Bảng 2: Đánh giá chung của SV về nhân cách người nữ GV

Đánh giá	Tần số chọn điểm	%
Kém	0	
Yếu	2	1, 25
Trung bình	8	5
Tốt	58	36, 25
Rất tốt	92	57, 50

Nhìn vào bảng 2, ta thấy SV ĐG rất cao về nhân cách người nữ GV trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội: Có 57, 50% ĐG ở mức rất tốt, 36, 25% ĐG ở mức tốt, chỉ có 6, 25% ĐG ở mức trung bình và yếu. Kết quả này cho phép chúng ta đặt nhiều hy vọng vào đội ngũ nữ GV vì họ là lực lượng đầy nhiệt huyết và hội tụ nhiều nét nhân cách cần thiết cho sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ.

Sự ĐG cao của SV là lời khẳng định, dù xã hội ngày nay có nhiều thay đổi, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa càng phát triển, cuộc sống còn bộn bề những khó khăn nhưng các cô giáo của trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội không vì thế mà bớt đi tinh thần trách nhiệm, lòng tâm huyết với nghề của mình. Họ vẫn làm việc hết mình, ngày đêm cống hiến tài năng và sức lực cho sự nghiệp “trồng người”. Họ thực sự là người mẹ thứ hai, là con đò chở các thế hệ SV qua sông mà không đòi hỏi một sự đáp trả, là những tấm gương sáng ngời về nhân cách cho SV noi theo.

3. Kết luận

Qua nghiên cứu thực trạng của SV về nhân cách người nữ GV, chúng tôi nhận thấy: Hầu hết SV ĐG nhân cách của người nữ GV ở mức tốt và rất tốt (chiếm 93, 75%). Đây là kết quả rất đáng mừng, nó phản ánh một thực tế là các cô giáo của trường ĐHNN đều là những người yêu nghề, mến trẻ, có ý chí vượt qua mọi khó khăn, có năng lực dạy học, giáo dục và tổ chức các hoạt động sư phạm.

- Trong hệ thống phẩm chất nhân cách đó thì các phẩm chất sư phạm của nữ GV được SV ĐG cao hơn các năng lực sư phạm.

- Tuy nhiên, vẫn còn một số SV ĐG chưa cao về nhân cách người nữ GV. Điều này nhắc nhở chúng ta cần phải hoàn thiện hơn nữa nhân cách của mình để xứng đáng với lòng tin của nhân dân, của xã hội.

Một số kiến nghị

- Người GV nói chung và nữ GV nói riêng cần nâng cao nhận thức về nghề để từ đó hình thành tình cảm nghề nghiệp. Khi đã yêu nghề thì họ sẽ yêu người, yêu SV của mình hơn. Đây là động lực giúp họ vượt qua những khó khăn gian khổ trong công tác “trồng người”.

- Người GV cần làm việc có nguyên tắc, cần đưa ra những yêu cầu nghiêm khắc đối với SV cũng như cần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực để kích thích tư duy độc lập, sáng tạo của SV.

- Để nâng cao năng lực dạy học và giáo dục, một mặt bản thân mỗi GV phải không ngừng học hỏi, trau dồi để mở mang tri thức (tự học, đọc sách, báo và theo dõi trên các phương tiện truyền thông); mặt khác, nhà trường cần tạo điều kiện để họ nâng cao trình độ chuyên môn.

- Nhà trường cần có sự đầu tư thích đáng về cơ sở vật chất, phương tiện dạy học để GV có điều kiện phát huy năng lực của mình.

- Nhà trường sư phạm cần chú ý tới chất lượng đào tạo giáo sinh sư phạm để họ có đầy đủ những phẩm chất sư phạm và năng lực sư phạm cần thiết cho nghề nghiệp tương lai của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Nguyễn Đình Chính, *Vấn đề đặt câu hỏi của giáo viên đứng lớp. Kiểm tra, đánh giá việc học tập của học sinh*, Hà Nội, 1995.
- 2 Trần Bá Hoàn, *Đánh giá trong giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1995.
- 3 Lê Văn Hồng (chủ biên), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1995.
- 4 A.G. Còvaliốp, *Tâm lý học cá nhân*, tập II, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1971.
- 5 Ph. N. Gônôbôlin, *Những phẩm chất tâm lý của người giáo viên*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1976.